

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T,
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 8 – 2019

V/v ly hôn giữa
chị H và anh L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám
2. Ông Nguyễn Văn Ngân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bùi Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Minh Đông – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 268, tổ 9, khóm Mỹ H, phường Vĩnh M, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn L – Sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa L, xã Hòa L, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-4-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Năm 2011 qua mai mối chị và anh Trần Văn L tự nguyện

kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh M, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2011 ngày 26-7-2011. Sau khi kết hôn sống tại nhà cha mẹ chồng được vài tháng, do mẹ chồng quá khó khăn nên chị xin về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay, còn anh L vài ngày qua thăm chị một lần. Năm 2013, ngày đầy tháng con cha chị và cha mẹ chồng cự cãi nhau, sau đó mỗi lần anh L qua thăm là uống rượu say xỉn, gây sự chửi chị và con, thậm chí chửi cả cha vợ, từ tháng 4-2019 đến nay vợ chồng ly thân. Chị thấy không thể sống chung với anh L được nữa, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Ngày 19-6-2019 chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là anh Trần Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Nguyễn H T, sinh ngày 04-6-2013, chị đang nuôi, khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

- Về chia tài sản và nợ chung: Không có

Theo chị H trình bày mâu thuẫn vợ chồng có mẹ ruột tên Phạm Thị C và mẹ chồng tên Nguyễn Thị G biết. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 19-6-2019 của Tòa án, bà Phạm Thị C cho biết bà là mẹ ruột của chị H, sau khi cưới vợ chồng H sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do mẹ chồng cư xử rất khó khăn, chị H về sống với bà, anh L có đến thăm, mỗi lần thăm anh L say xỉn, gây sự chửi H và chửi cả vợ chồng bà. Bà nhận thấy vợ chồng chị H không thể hàn gắn được nữa, bà đề nghị Tòa án cho chị H được ly hôn anh L.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 26-6-2019 của Tòa án, bà Nguyễn Thị G cho biết bà là mẹ ruột của anh L, sau khi cưới H về sống bên cha mẹ ruột, còn L đi làm thuê ở xa, vài tháng về một lần, khoảng tháng 4-2019 bà có nghe H ly thân với L, bà hỏi thì anh L nói vợ chồng vẫn bình thường, nhưng H kiên quyết ly hôn, bà thấy không thể hàn gắn được, bà đề nghị Tòa án cho H và L ly hôn

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật, riêng anh Trần Văn L (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh L chấp hành nghĩa vụ tố tụng dân sự chưa nghiêm. Về nội dung, chị H yêu cầu ly hôn anh L do vợ chồng mâu thuẫn, thời gian ly thân anh chị không hàn gắn, cha mẹ hai bên cũng mâu thuẫn và đề nghị Tòa án cho ly hôn; về nuôi con chung từ lúc ly thân đến nay chị H

nuôi con, chị yêu cầu tiếp tục nuôi. Xét yêu cầu của chị H phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn L. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trần Văn L (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh L.

[3] Về nội dung:

[4] Hôn nhân của chị H và anh L là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng do mẹ chồng khó khăn, chị H và anh L không giải quyết được mâu thuẫn giữa mẹ chồng và con dâu, giữa cha mẹ vợ và con rể, cha mẹ hai bên cũng mâu thuẫn không hàn gắn cho anh chị và đề nghị Tòa án cho ly hôn, thời gian ly thân anh chị cũng không gặp nhau hàn gắn. Từ đó, cho thấy hôn nhân của chị H và anh L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị H và anh L.

[5] Về nuôi con chung: Chị H yêu cầu tiếp tục nuôi cháu T và không yêu cầu anh L cấp dưỡng, từ lúc vợ chồng ly thân đến nay chị H trực tiếp nuôi con có cuộc sống ổn định, chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng là tự nguyện của chị. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được tiếp tục nuôi cháu T, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về chia tài sản: Không có, Tòa án không đề cập.

[8] Về nợ chung: Ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng

minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[9] Về án phí sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn L. Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2011 ngày 26-7-2011 của Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Trần Nguyễn H T, sinh ngày 04-6-2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay chị H đang nuôi. Anh Trần Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh Trần Văn L không trực tiếp nuôi con, anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có

Về nợ chung: Ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0005702 ngày 02-5-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- UBND phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương

